

Số: /NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Phê duyệt “Phát triển hệ thống y tế, nâng cao chất lượng hoạt động các cơ sở y tế công lập đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao chất lượng dân số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2026, định hướng đến 2030”

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ sức khỏe Nhân dân ngày 30/6/1989;

Căn cứ Quyết định số 122/QĐ-TTg ngày 10/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược Quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011- 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Nghị Quyết số 41/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về việc hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XV;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt “Phát triển hệ thống y tế, nâng cao chất lượng hoạt động các cơ sở y tế công lập đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao chất lượng dân số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2026, định hướng đến 2030”; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng Nhân dân tỉnh; ý kiến của Đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Phát triển hệ thống y tế, nâng cao chất lượng hoạt động các cơ sở y tế công lập đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao chất lượng dân số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2026, định hướng đến 2030” với những nội dung chính sau:

I. Mục tiêu chung:

- Nâng cao sức khỏe người dân cả về thể chất, tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ và chất lượng cuộc sống. Giảm tỷ lệ mắc bệnh, tử vong và tàn tật do bệnh, dịch bệnh. Xây dựng hệ thống y tế phát triển đồng bộ, công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế. Quan tâm việc bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe đồng

bào dân tộc thiểu số và miền núi, người yếu thế trên địa bàn tỉnh. Ưu tiên phát triển một số trung tâm chuyên sâu chất lượng cao, bệnh viện chuyên khoa. Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế có phẩm chất đạo đức tốt, đủ năng lực đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới.

- Định hướng mục tiêu đến 2030: Hoàn thiện hệ thống y tế của tỉnh, bảo đảm tính hệ thống, tính liên tục, thống nhất trong toàn hệ thống y tế. Phát triển hợp lý giữa các bệnh viện đa khoa và chuyên khoa, giữa tuyến tỉnh và cơ sở; chú trọng phát triển chuyên sâu, phát triển y tế phổ cập có chất lượng. Kết hợp giữa phát triển y học hiện đại và y học cổ truyền, giữa dự phòng với điều trị, giữa y tế công lập và y tế ngoài công lập, hài hòa giữa các vùng miền, chú trọng phát triển ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo.

II. Mục tiêu cụ thể

1. Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức và sắp xếp tinh gọn, hiệu quả hệ thống y tế

- Chia tách Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Linh (vào năm 2023) và Hướng Hóa (chậm nhất vào năm 2025) thành 02 đơn vị Bệnh viện Đa khoa khu vực tuyến tỉnh: Bệnh viện Đa khoa khu vực Vĩnh Linh (phía Bắc); Bệnh viện Đa khoa khu vực Hướng Hóa (phía Tây) và 02 đơn vị Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Linh và Hướng Hóa: Thực hiện các chức năng nhiệm vụ về y tế dự phòng và dân số phát triển.

- 100% Trung tâm Y tế huyện xây dựng, hoàn thiện khoa Hồi sức cấp cứu; củng cố các đội vận chuyên, cấp cứu lưu động ngoại viện sẵn sàng hỗ trợ cho tuyến dưới trong các tình huống khẩn cấp, thiên tai, thảm họa.

- 100% các trạm Y tế thực hiện rà soát, phân loại và sắp xếp lại chức năng, nhiệm vụ, nhân lực, trang thiết bị y tế, cơ sở hạ tầng của từng trạm y tế xã phù hợp thực tế từng vùng, từng địa phương để nâng cao chất lượng phục vụ, hoạt động.

- Giai đoạn 2023- 2025 hoàn thiện Đề án xây mới Bệnh viện Y học cổ truyền tại thành phố Đông Hà, quy mô từ 100-200 giường.

- Giai đoạn 2022-2026 thu hút có ít nhất 01 Bệnh viện đa khoa tư nhân chất lượng cao ≥ 500 giường bệnh trở lên và có ít nhất 01 bệnh viện hạng III ≥ 50 giường bệnh được thành lập.

2. Nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế công lập

2.1. Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị hệ thống y tế dự phòng:

- Tuyến tỉnh: Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh đáp ứng công tác phòng, chống dịch bệnh và dự báo dịch bệnh.

- Tuyến huyện:

+ 30% TTYT huyện được đầu tư xây mới cơ sở hạ tầng hệ dự phòng góp phần đáp ứng công tác y tế dự phòng trên địa bàn.

+ 100% hệ thống y tế dự phòng tuyến huyện được đầu tư trang thiết bị yếu phục vụ cho công tác chuyên môn.

- Tuyến xã:

+ 40% trạm Y tế xã, phường, thị trấn được nâng cấp và xây mới.

+ 80% Trạm Y tế được duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa.

+ 100% các trạm Y tế được đầu tư trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.

2. 2. Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị hệ thống khám, chữa bệnh

- Giai đoạn 2022-2025:

+ 100% các đơn vị khám chữa bệnh được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế đáp ứng 70% nhu cầu thực tế.

+ Chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế cho Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Linh và Hướng Hóa để tách thành 02 đơn vị Bệnh viện Đa khoa khu vực tuyến tỉnh: Bệnh viện Đa khoa khu vực Vĩnh Linh (phía Bắc); Bệnh viện Đa khoa khu vực Hướng Hóa (phía Tây).

- Giai đoạn 2025-2030:

+ Tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị Bệnh viện Đa khoa khu vực Vĩnh Linh (sau khi chia tách khỏi TTYT huyện Vĩnh Linh) thành Bệnh viện Đa khoa hạng 1 tuyến tỉnh.

+ Tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị Bệnh viện Đa khoa khu vực Hướng Hóa (sau khi chia tách khỏi TTYT huyện Hướng Hóa) thành bệnh viện hạng 2 tuyến tỉnh.

100% đơn vị khám chữa bệnh được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế đáp ứng 90% nhu cầu thực tế.

Xây mới Bệnh viện Y học cổ truyền tại thành phố Đông Hà, quy mô từ 100-200 giường.

2.3. Phát triển nguồn nhân lực

- Phần đầu đạt 11 bác sĩ/vạn dân vào 2025, 12 bác sĩ/vạn dân vào 2030.

- Phần đầu đạt 02 dược sĩ đại học/vạn dân vào năm 2025 và 2,5 dược sĩ đại học/vạn dân vào 2030.

- Phần đầu tỷ lệ điều dưỡng, hộ sinh/Bác sĩ trong các cơ sở điều trị đạt 3,0.

- 100% Trạm y tế xã có bác sĩ làm việc thường xuyên (hình thức theo Quyết định 4667/QĐ-BYT ngày 7/11/2014).

- 100% thôn bản có nhân viên y tế thôn bản được đào tạo theo quy định của Bộ Y tế.

- Năm 2022-2026, tập trung thu hút 100 bác sĩ đa khoa hệ chính quy về công tác tại tuyến huyện.

- Đào tạo chuyên sâu, đào tạo sau đại học chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II, bác sĩ nội trú, thạc sĩ y học, tiến sĩ y học, giai đoạn 2022 – 2026 phấn đấu đào tạo 130 người có trình độ sau đại học, đạt tỷ lệ 12% có trình độ sau đại học/ tổng số viên chức.

3. Các chỉ tiêu chuyên môn cơ bản (Theo phụ lục số 01 đính kèm).

III. Nguồn lực và kinh phí thực hiện Đề án

1. Nguồn lực: Nguồn vốn trong kế hoạch đầu tư trung hạn năm 2021-2026 của Trung ương và địa phương; nguồn vốn ODA; nguồn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; Nguồn kinh phí thường xuyên ngân sách tỉnh, Nguồn đối ứng của các địa phương đã bố trí, nguồn bán đấu giá tài sản các trụ sở của ngành y tế và các nguồn thu hút, vận động hợp pháp khác.

2. Kinh phí: Tổng kinh phí để thực hiện Đề án “Phát triển hệ thống y tế, nâng cao chất lượng hoạt động các cơ sở y tế công lập đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao chất lượng dân số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2026, định hướng đến 2030” có kế hoạch phân bổ: 936.630 triệu đồng (*trong đó kinh phí đã bố trí thực hiện là 759.630 triệu đồng, kinh phí bố trí thêm giai đoạn 2022-2026 là 177 tỷ bố trí từ nguồn kinh phí thường xuyên ngân sách tỉnh*).

Điều 2: Tổ chức và thực hiện

1. Giao Ủy ban Nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng Nhân dân, các Ban của Hội đồng Nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng Nhân dân và đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị Khóa VIII, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Vụ Pháp chế các Bộ: KHĐT, TC, Y Tế;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH & HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở: Y tế, KHĐT, TC, TNMT, Tư pháp;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo QT, Đài PT-TH tỉnh;
- Trung tâm TH - CB tỉnh;
- Lưu: VT,

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Quang

Phụ lục I
BIỂU CHỈ TIÊU NGÀNH Y TẾ GIAI ĐOẠN 2022-2030
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2022 của HĐND tỉnh Quảng
Tri)

CÁC CHỈ TIÊU	2020	2025	2030
Chỉ tiêu đầu vào			
Số bác sĩ/vạn dân	10	11	12
Số dược sĩ đại học/vạn dân	1,25	2	2,5
Tỷ lệ giường bệnh/vạn dân	30	35	37
Tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ làm việc(%)	89,6	100	100
Tỷ lệ trạm y tế có NHS (TH, CD, CN) làm việc(%)	100	100	100
Tỷ lệ thôn, bản có nhân viên y tế (%)	100	100	100
Chỉ tiêu hoạt động			
Tỷ lệ trẻ em < 1 tuổi TCĐĐ (%)	>98	≥ 98	≥ 98
Tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí QG về y tế (%)	99,2	100	100
Tỷ lệ người dân tham gia BHYT (%)	95,5	> 98	100
Tỷ lệ chất thải y tế nguy hại được xử lý (%)	100	100	100
Chỉ tiêu đầu ra			
Tuổi thọ trung bình	68,5	70	71
Tỷ số chết mẹ/100.000 trẻ đẻ sống	< 25	≤20	< 20
Tỷ suất chết trẻ em < 1 tuổi (‰)	1,9	< 5,95	< 5,95
Tỷ suất chết trẻ em < 5 tuổi (‰)	<13	≤7,59	< 7,59
Quy mô dân số	637.500	552.000	700.000

CÁC CHỈ TIÊU	2020	2025	2030
Tổng tỷ suất sinh (số con trung bình của một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ)	2,42 con	2,1 con (Đạt mức sinh thay thế)	Duy trì vững chắc mức sinh thay thế 2,1 con
Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên (%)	< 1	< 1	< 1
Tỷ số giới tính khi sinh (trao/100 gái)	<115	<112,5	<109
Tỷ lệ trẻ em < 5 tuổi S D D thể nhẹ cân (%)	13,6	13.1	12,5
Tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS (%)	< 0,05	< 0,05	< 0,05